

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYỄN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2020

V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYỄN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Nguyệt Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đoàn Tụ

Ông Bàn Văn Lân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng:
Ông Hoàng Văn Nguyên - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyễn Bình, Cao Bằng.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lân Thị H, sinh ngày 06/9/1994

Nơi ĐKTT: Xóm N (nay là xóm M), xã T, huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: Xóm L, xã G (nay là xóm G, xã I) huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T
- Trợ giúp viên pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nông Văn Q, sinh ngày 23/7/1990

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm N (nay là xóm M), xã T, huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Linda Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H kết hôn với anh Q năm 2013, hôn nhân tự nguyện, được tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q không tu chí làm ăn, cờ bạc, có quan hệ với người khác, không quan tâm chăm sóc gia đình và vợ con. Khi chị H nhắc nhở thì anh Q cáu gắt, chửi mắng thậm chí đánh đập chị H. Bố mẹ hai bên đã khuyên bảo anh Q nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi được. Cuối năm 2017, anh Q bỏ ra ngoài làm thuê không quan tâm đến vợ con và gia đình, hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn quá trầm trọng, không có khả năng khắc phục để tiếp tục chung sống. Chị H cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về nuôi con: Chị H khai anh, chị có 01 con chung tên Nông Ngọc sinh ngày 04/02/2014.

Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến đủ 18 tuổi và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai anh, chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn - anh Nông Văn Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh Q xác nhận những lời khai của chị H về thời gian, thủ tục, điều kiện kết hôn là đúng, anh Q không có ý kiến gì thêm. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường, năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Theo anh Q, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, có xảy ra cãi vã, năm 2016 chị H đi làm ăn xa nhà dẫn đến tình cảm dần phai nhạt. Anh Q nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn có khả năng khắc phục nên anh Q không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con: Anh Q xác nhận anh, chị có 01 con chung tên Nông Ngọc K sinh ngày 04/02/2014.

Nếu chị H cương quyết yêu cầu ly hôn, anh Q yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q xác nhận anh, chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 110 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, giao cháu K cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Chị

H và anh Q không có tài sản chung, vay nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng trình bày:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Linda Thị H.

- Về con chung: Giao cháu Nông Ngọc K sinh ngày 04/02/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Linda Thị H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số **AA/2016/0001262 ngày 09/01/2020** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Anh Nông Văn Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Chị Linda Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nông Văn Q. Anh Q có địa chỉ thường trú tại xóm N, xã T, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất đến tham gia phiên tòa vào ngày 28/5/2020 nhưng vắng mặt không có lý do vì vậy Hội đồng xét quyết định hoãn phiên tòa. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa vào ngày 18/6/2020 nhưng tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do đó,

Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh Q kết hôn năm 2013, hôn nhân tự nguyện, được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân giữa chị H và anh Q là hôn nhân hợp pháp được Nhà nước công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, cả hai vợ chồng đều thừa nhận, từ năm 2016 cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc mà phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q không tu chí làm ăn, cờ bạc, có quan hệ với người khác, không chăm sóc con cái. Khi chị H nhắc nhở thì anh Q cáu gắt, chửi mắng thậm chí đánh đập chị H. Theo anh Q, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, có xảy ra cãi vã. Năm 2016, chị H đi làm ăn xa dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Theo Điều 19, 21 Luật Hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”; “*Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*”; “*Vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn, bảo vệ danh dự, nhân phẩm cho nhau*”. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh Q không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau mà phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Mặc dù anh Q không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H, mong muốn được quay trở lại đoàn tụ vợ chồng nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh Q chưa có thiện chí hòa giải tháo gỡ mâu thuẫn cũng như đưa ra được biện pháp khắc phục mâu thuẫn giữa hai anh chị. Nhận thấy mâu thuẫn giữa các bên đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Q do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị H.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh Q có một con chung tên Nông Ngọc K, sinh ngày 04/02/2014. Chị H và anh Q đều yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu K hiện nay còn nhỏ, rất cần sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 20/4/2020 thể hiện, anh Q không thường xuyên ở nhà do vậy không có thời gian và điều kiện chăm sóc cháu K. Mặt khác, từ nhỏ cho tới thời điểm giải quyết ly hôn, cháu K sống với mẹ. Việc thay đổi môi trường sống và học tập sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ. Vì vậy, cần giao cháu K cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu.

Chị H yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn, số tiền 800.000,đ/tháng. Tại bản tự khai, anh Q không đồng ý với yêu cầu của chị H. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 luật Hôn nhân và gia đình, “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái không phụ thuộc vào việc người phải cấp dưỡng nuôi con có đồng ý hay không cũng như không phân biệt người có nghĩa vụ cấp dưỡng có khả năng kinh tế hay không. Do đó, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H là có căn cứ, cần được chấp nhận. Chị H và anh Q không thỏa thuận được về mức cấp dưỡng nuôi con. Xét về khả năng kinh tế, anh Q không có việc làm và thu nhập ổn định. Hội đồng xét xử nhận thấy, mức đóng góp phí tôn nuôi dưỡng, giáo dục con bằng 1/2 mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử là phù hợp

với Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp bổ sung một số vấn đề về áp dụng pháp luật cũng như phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của anh Q. Theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 Quy định về mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang “*Từ ngày 01 tháng 7 năm 2019, mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng.*” Do vậy, mức cấp dưỡng anh Q phải đóng góp để nuôi dưỡng, giáo dục con là 745.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng được tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H và anh Q xác nhận anh, chị không có tài sản chung và các khoản nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét để giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị H và anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lâm Thị H được ly hôn với anh Nông Văn Q.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nông Ngọc K sinh ngày 04/02/2014 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 745.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có.

4. *Về án phí*: Chị Lâm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **AA/2016/0001262 ngày 09/01/2020** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Người có nghĩa vụ cấp dưỡng - anh Nông Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Nguyệt Thu